

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2019/HS-PT**
Ngày: 23/9/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Tám – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Hồ Công M do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo ông Hồ Kim T và bà Trần Thị T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo: Hồ Công M, sinh năm 1995; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Kim T, sinh năm 1967 và bà Trần Thị T1 sinh năm 1960; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

- Đại diện hợp pháp cho bị cáo Hồ Công M (bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi): Ông Hồ Kim T, sinh năm 1967 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1960. Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; là cha mẹ đẻ của bị cáo; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Hồ Công M: Ông Nguyễn N – Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý – Do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên cử; có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Hồ Kim G, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Kim T và Hồ Kim G là anh em ruột nhưng có mâu thuẫn về tranh chấp đất đai. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/6/2017, Hồ Kim G điều khiển xe mô tô biển số 78P1-4976 lưu hành trên Quốc lộ 29 theo hướng Đông – Tây. Khi đến đoạn đường cách Trạm y tế S khoảng 50 mét thuộc thôn Sơn Thọ, xã S, huyện T, Hồ Công M (con ruột của Hồ Kim T) nhìn thấy G có mang theo 01 cái rựa, M cho rằng G ngăn cản gia đình khai thác cây xà cừ trên đất trồng cây của gia đình nên điều khiển xe Cup chạy theo áp sát và dùng dao Thái Lan đâm 01 nhát trúng vào lưng trái của Giao gây thương tích tỷ lệ 06%, Giao điều khiển xe chạy vào Trạm y tế xã S để sơ cứu vết thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 119/KLDGTC ngày 05/12/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện tại, Hồ Công M bị rối loạn nhân cách/động kinh cơn lớn (F60/G40-ICD 10). Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi gây án và hiện tại hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên đã tuyên Hồ Công M phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; phạt: Hồ Công M – 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Hồ Công M phải bồi thường cho người bị hại Hồ Kim G số tiền 9.701.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2019, người bị hại Hồ Kim G kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo và tăng phần bồi thường dân sự.

Ngày 18/6/2019, ông Hồ Kim T là người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo đề nghị xét xử bị cáo vô tội và không bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa, vì bị cáo Hồ Công M lần thứ hai vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo, đơn kháng cáo của người bị hại; công bố lời khai của bị cáo, người làm chứng.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo cho rằng: Nguyên nhân xảy ra vụ án là do ông Hồ Kim G chiếm đất; chính quyền cấp đất sai cho ông G, nhưng không chịu thu hồi sổ đỏ dẫn đến Hồ Công M bức xúc gây án, nên đề nghị tuyên bị cáo không có tội và không phải bồi thường cho bị hại.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo Hồ Công M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không tôn trọng Hội đồng xét xử, không khai nhận hành vi phạm tội của mình là do bị cáo có bệnh, bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi; nhưng tại Cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo án treo. Mặc khác, bị hại không bị thiệt hại gì về tinh thần, nên đề nghị không buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền này cho bị hại.

- Người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị xét xử nghiêm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị cáo Hồ Công M; căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại–Sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường dân sự, tăng khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần mà án sơ thẩm đã tính 1.390.000đ lên 1.490.000đ/tháng lương cơ sở theo quy định hiện hành.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên không nhất trí với ý kiến của người bào chữa, kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo, kháng cáo của người bị hại; giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 03/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên Quyết định mở phiên tòa phúc thẩm để xem xét kháng cáo đề nghị xét xử bị cáo vô tội và không bồi thường dân sự của đại diện hợp pháp cho bị cáo và kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và tăng tiền bồi thường dân sự của bị hại đối với bị cáo, nhưng bị cáo Hồ Công M vắng mặt, nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã Quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 ngày 23/9/2019, tuy nhiên bị cáo vẫn tiếp tục vắng mặt. Xét sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại

cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tiến hành xét xử vụ án theo điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị cáo và kháng cáo của người bị hại. Hội đồng xét xử, thấy:

[2.1] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Hồ Công M tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/6/2017, thấy Hồ Kim G đang điều khiển xe mô tô lưu hành trên Quốc lộ 29, đoạn đường gần Trạm y tế xã S, thuộc thôn S, xã S, huyện T. Hồ Công M liền điều khiển xe mô tô đuổi theo, áp sát và dùng dao Thái Lan đâm vào lưng trái của G gây thương tích, tỷ lệ 06%. Tuy thương tích của người bị hại dưới 11%, nhưng bị cáo sử dụng dao Thái Lan để gây án, là phạm tội thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm. Nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội, không oan.

Mặc dù, bị cáo là người bị rối loạn nhân cách/động kinh cơn lớn và hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi; nhưng bị cáo vẫn nhìn nhận được hành vi cầm dao Thái Lan và dùng xe mô tô rượt đuổi, khi người bị hại cũng đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường để gây thương tích là nguy hiểm. Bản thân bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm không khai rõ hành vi phạm tội của mình, có hành động gây trở ngại cho hoạt động xét xử, nên án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” cho bị cáo là phù hợp. Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 mà bị cáo được hưởng, để phạt bị cáo 06 tháng tù là thỏa đáng. Do đó, người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị tuyên bị cáo không có tội và người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở nên không chấp nhận, mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

[2.2] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì bị cáo là người phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; thiệt hại phải bồi thường là chi phí hợp lý cho việc chữa trị thương tích, tiền công người nuôi, tiền mất thu nhập Và một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, riêng khoản tiền này do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá 50 tháng

lương cơ sở đối với sức khỏe bị xâm phạm do Nhà nước quy định vào thời điểm giải quyết việc bồi thường.

Trên cơ sở đánh giá thương tổn thực thể, xem xét yêu cầu, đối chiếu với các tài liệu và chi phí điều trị thương tích của người bị hại, án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại các khoản: Khám điều trị có hóa đơn, chứng từ: 2.821.672 đồng; chi phí đi lại: 500.000 đồng; tiền công người nuôi trong 09 ngày người bị hại nằm viện $\times 200.000\text{đ/ngày} = 1.800.000$ đồng; tiền mất thu nhập trong 09 ngày nằm viện $\times 200.000\text{đ/ngày} = 1.800.000$ đồng và một khoản tiền tổn thất tinh thần được tính bằng 02 tháng lương cơ sở tại thời điểm giải quyết bồi thường (*Ngày 06 tháng 6 năm 2019*) $\times 1.390.000\text{đ} = 2.780.000$ đồng. Tổng cộng 9.701.000 đồng là đã tính đúng, tính đủ các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. Do đó, người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo không chấp nhận bồi thường; người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường dân sự là không có cơ sở; và quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử - Sửa bản án sơ thẩm, tăng khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần mà án sơ thẩm đã tính 1.390.000đ lên 1.490.000đ/tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử phúc thẩm, là không cần thiết, làm mất tính ổn định của bản án, nên không chấp nhận.

[3] Ông Hồ Kim T, đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Công M phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1015*).

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo và kháng cáo của người bị hại – Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Phạt: Bị cáo Hồ Công M-06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Hồ Công M phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm cho người bị hại Hồ Kim G số tiền 9.701.000đ (*Chín triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Người kháng cáo ông Hồ Kim T, đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Công M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện Tây Hòa(2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng